

Đến Thăng Long và ở lại

Tôi về Hà Nội bằng con đường từ trận đại thắng Điện Biên đổ xuống. Mũ còn găm lá ngụy trang dù dưới vòm trời đã sạch quang bóng giặc. Những chiếc lá gài từ vùng đồi Trung Giã nơi ta với Pháp gặp nhau phác định ra chương trình tiếp quản. Chẳng phải mang về để trồng cây xanh cho Hà Nội. Tôi mang về cái bóng đáng chân chất nhất của anh lính Cụ Hồ.

Tôi liêu một cuộc ngao du quanh ba mươi sáu phố phường từ buổi sáng ngày 12 tháng 10 năm 1954. Tôi hai mươi tuổi cứ chông chênh giữa phố phường cổ kính. Tôi nhờ một anh bạn diễn viên dẫn đường từ phố Lý Nam Đế ra đầu cầu Long Biên. Lấy cảnh quan này làm vật chuẩn, làm cột mốc. Như cả đời người tôi lấy cây cầu bé nhỏ gọi là cầu Mương qua sông Cụt làm vật chuẩn, làm cột mốc để dù có nơi rộng bán kính lãng du ra đến đâu vẫn có túc trực một tâm thức hướng về.

Lớ ngớ một ngày qua đủ phố Hà Nội. Khi nào có cảm giác sắp xa lạ quá đà thì bắt đầu trí nhớ dẫn về đúng cái chân cầu Long Biên. Uống một hơi nước máy ở vòi rồi mở đường mới mà đi tiếp. Cái gì, điều gì ở Hà Nội cũng khác lạ đối với tôi. Khác lạ với những vùng đóng quân của tôi từ tám phủ huyện Thạch Hà, Can Lộc... đến Tuần Giáo, Nậm Mực trên Điện Biên Phủ. Khác lạ mà không xa lạ. Đó là cảm thức để tôi quyết ở lại làm công dân một đời tiếp theo.

Mỗi chân quá, tôi lên đê nhìn ra sông Hồng. Tôi nhìn sang phía Bồ Đề, Gia Lâm. Văn học Việt Nam cho tôi điều này. Điều mang máng kẻ nhưng gợi lắm. Rằng Nguyễn Du đã ở Thăng Long. Nguyễn hay qua sông bằng dò ngang. Và quen cô lái dò tên là Ngọt. Vậy là tôi đã có người đồng hương đến trước. Tôi nhìn sang thăm thăm bờ bắc sông Hồng. Cố tìm dấu vết bến dò xưa. Không còn, không còn. Gạch ngói đã lấp chồng lên hết thảy.

Hà Nội khác lạ nhưng suốt một ngày tôi không hề thấy xa lạ. Nét lịch lãm luôn trên miệng cười. Hơn tám trăm năm kể từ ngày thuyền ngựa của Lý Công Uẩn cập bờ, mọi tài hoa, trí tuệ của cả nước dồn về đây, mài dũa công phu cho được nụ cười mà tôi vinh hạnh đón gặp.

Tôi là công dân thường trú của Thủ đô suốt bốn mươi sáu năm hai

tháng bảy ngày. Đó là tính đến ngày đặt bút ghi chép lại vào trang bút ký. Tôi bỏ phiếu bầu Quốc hội, bầu các loại hội đồng thành phố, quận, huyện đến bầu cái chị trưởng “khóm” với tư cách người Hà Nội. Hà Nội là điểm hẹn của tài hoa đất nước. Nói vậy chưa hết. Đã có một thời đen bạc và nhập nhoè để rác rưởi cũng cuốn vào. Vậy nên Hà Nội cũng là thời nam châm cực lớn đã hút về quanh Thủ đô đủ loại kim loại mảnh, loại phế thải. Và Hà Nội sàng lọc dữ dội suốt non nửa thế kỷ mà tôi biết. Lạ thay, cứ vậy cứ vậy cuộc đời phân loại rất công bằng. Những người có gốc gác quê hương Nghệ An, Hà Tĩnh cũng phải chịu nhảy tâng tâng lên mặt sàng rồi lần lượt vượt qua mình mà trụ vững vào nơi tử tế.

Tôi kể một chuyện. Đúng hơn là trích một đoạn trong hồi ký của tôi để tặng quê hương Hà Tĩnh thân yêu. Gần mười năm kể từ ngày về Hà Nội, tôi là bạn chí thân của cái Nhà hát Lớn Hà Nội ấy.

Những lúc chưa đến giờ diễn, những buổi không có vai diễn tôi tha thẩn dưới những vòm cây lá vườn hoa quanh nhà hát. Một bận, có cái xe bò chở cát sông Hồng đi qua. Người đánh xe chừng vừa trông thấy tôi liền kéo cái mũ dạ mang theo kiểu Hồng quân Liên Xô thời Cách mạng tháng Mười xuống che đôi mắt. Bận nữa cũng diễn ra i xì như vậy. Tôi đã nghĩ đến một Nguyễn Công Trứ ở chân núi Nài năm 1879. Nhưng người trên xe bò chở cát này cố che mặt. Và nét khác nữa là con bò kéo không có cái mo cau. Điều trặc ải được che giấu ấy hút tôi vào chỗ tò mò. Cũng chẳng cần đến thám tử Xê-lếch-Hôm. Tôi lần ra bãi cát sông Hồng và chạm trán người che mặt.

- Ra đây khi mô? Tôi hỏi trước.

- Ngày đói. Anh ta dừng việc trả lời.

Vâng, Hà Tĩnh những năm ấy đói là chuyện không lạ. Lạ là từ mồm anh bạn học của tôi nói ra. Nắng bờ sông chiếu vào đôi mắt. Một cái nhìn rất Hà Tĩnh. Thẳng thắn, bộc trực và ẩn chứa chút buồn.

Anh ấy học sau tôi một lớp ở trường tỉnh. Tôi biết chứ không thân. Biết là một học trò giỏi nhân kỳ phát thưởng cuối năm. Con của một thương gia trên phố. Có cửa hiệu bán vải lớn và cái biển gỗ kẻ ba chữ Hán to cộ, như là Phúc Sinh Đường hay Phúc Vương Đường gì đó. Tôi chỉ nghe chứ nào có đọc được. Sau biến loạn vì những năm sau đó, cha mẹ anh chết. Anh chẳng rõ ra sao, chỉ mơ màng rằng “nhà mình

giá dừng tạu rộng (mua ruộng)” thì không là địa chủ. Cay đắng hơn cả là mấy anh em nhà anh bị ra khỏi nhà trường giữa lúc - theo anh nói - là cái chữ cái nghĩa đã bám vào sự ham thích học hành như rế lúa tháng ba. Anh lang thang vất vưởng và mấy năm sau trót yêu thương một người để sự vất vưởng lang thang thành kiếp phận tử hờn.

Anh men ra Hà Nội, lần hồi vào được chân công nhân xúc đá vá đường của Đường sắt Việt Nam.

- Thế sao không trụ lại đó? Tôi hỏi.

- Trụ lại cũng chỉ đến... công nhân bậc cao là cùng. Anh rít một hơi thuốc lá loại hai hào ba rồi nói tiếp. “Mình muốn khá hơn nên có người hào hiệp rủ ra bờ sông.”

Tôi vỗ vỗ lên cái mông con bò và chỉ vào cái xe rồi hỏi anh “Vốn liếng ở đâu mà sắm sửa”. “Của chủ, tôi chỉ xúc thuê. Ăn công từng xe một”. Đột nhiên anh cúi nhắc cái xeng lên: “Cái này của tôi, à mà cũng không thật của tôi”. Tôi hỏi lại, “Sao vậy?”. Anh cười lớn: “Tôi lấy của Đường sắt!”. Gió sông Hồng quét mù lên. Cát khô phả vào chúng tôi, che lấp cả tiếng cười vang mà ẩm ướt.

Đêm ấy tôi ngủ ở bờ sông với anh. Che chắn gió sương bằng những thứ nhặt nhạnh trên bãi sông Hồng. Khi nằm xuống, mắt tôi đập vào một chữ Chí

- Chữ Hán ấy viết bằng phấn học trò trên một mảnh tôn. Như thể một chữ thề trên núi vãng của các hiệp sĩ.

- “Có được gian nhà - tre lá gì cũng phải có. Rồi sẽ đón mẹ con nó ra”.

*

Hết chiến tranh tôi về Hà Nội. Gặp anh ở hiệu sách Quốc văn - 40 phố Tràng Tiền. Anh vẫn mặc cái áo ka ki Tô Châu của tôi tặng. Phong trần hơn mà cũng đầy đà hơn.

- Lại chơi nhà tôi nhá! Anh đơn dả.

- Ra bờ sông chứ!

- Nhà thơ nhớ dai nhỉ. Qua rồi, qua rồi! - Anh xé một trang lót cuối cuốn sách - vẽ cho tôi một lối đi từ đại lộ mang tên một người vĩ đại, rẽ vào

một đường phố mang danh tánh một vị tềng tềng, rẽ nửa vào một cái ngõ mang tên một cây cầu. Và cuối cùng là một cái ngách có tên nôm "Ngõ Ao Càn". Cũng được, ở tận cùng của sự nghèo nhưng vẫn trong quy hoạch địa chí một thành phố Thủ đô.

- Uống cái gì nhé. Anh vừa mời tôi, tay vừa xé một bao thuốc lá Tam Đảo bao bạc. Lời mời và cử chỉ ảm áp sự phồn vinh. Tôi mừng và cảm động như nghe các huyện lúa Đức Thọ, Can Lộc trong quê được mùa.

- Ta vào Bô Đê Ga! Tôi tiếp vào lời mời thân ái của anh bằng sự giới thiệu một quán ăn sang trọng bậc nhất đất Hà Thành. Tôi vừa có cái nhuận bút 12 đồng của báo Văn nghệ. Định mua sách. Giờ chơi sang một hiệp cho ra dáng dân quê "bộ" biết ăn chơi.

Rồi tôi lần tìm đến anh. Cái chữ Chí viết bằng phấn trắng giờ đã hóa thân vào bằng khen, giấy khen của các trường học tặng thưởng cho các con anh. Các cháu nói giọng Hà Nội. Thứ âm thanh nền nã ấy trộn với giọng lơ lớ Bắc, lơ lớ Trung của anh. Và bè trầm là giọng đặc sánh Cẩm Xuyên quê nhà. Bản giao hưởng ấy quần quýt vào tôi. Tôi nhớ lại đó là thời bao cấp khổn khổ. Năm mạng sống nghiền qua hai hàm răng đủ loại gọi là Thực phẩm để sống. Năm mạng sống ấy lại quyết tham lam đem cái chữ về nhà. Nhà cửa cứ chật lại vì chữ nghĩa chen vào.

- Thỉnh thoảng các cháu có được về thăm quê? Tôi hỏi cả nhà.

- Có chứ ạ. Trừ bố mẹ cháu lạc loài ra đây. Trong quê còn đủ cả. Năm nào cũng về làm giỗ ông bà.

- Nhưng bây giờ là Hà Nội. Tôi hỏi bọn trẻ. Các cháu có hiểu mình đang là công dân của mảnh nào trên Tổ quốc?

Các cháu trả lời tôi. Chấp vá mọi hiểu biết rời rạc và non nớt lại là một nỗ lực công phu.

- Bố cháu dạy: "Phải hiểu sâu Hà Nội để có thể trở thành người Hà Nội".

*

Lại băng đi nhiều năm. Tôi lẩn bấn nhiều việc nên không gặp anh. Bỗng một đêm lạnh cuối đông năm ngoái, chuông điện thoại đổ. Tôi nhấc máy.

- Cảnh đấy à! Đang làm gì?
- Đang xem đá bóng trên màn ảnh nhỏ.
- Mai sang chơi nhé. Cháu vừa ở Boston về. Thằng đầu đấy.
- Làm gì bên ấy?
- Cháu đi dạy. Tôi sẽ sang đón. Anh nói vội vào máy.
- Thôi khỏi. Tôi nhớ lối vào rồi.
- Không, không. Lên Tây Hồ. Đường Xuân Diệu...

Lại bằng đi mấy năm. Khác thời xa xưa là cái máy điện thoại, máy nhắn tin mạch bảo giữm. Đưa con trai thứ hai của anh đi tu nghiệp bên Ôtxtralia. Cô con gái út cũng đã có nơi mát mẻ thời tiếp thị. Và được bố mẹ và các anh giao cho quản lý, sử dụng tòa biệt thự ở Tây Hồ.

- Vậy bố mẹ cháu ở đâu? Về Hà Tĩnh à?
- Không. Bố mẹ cháu mua được một trang trại ở vùng núi ngoại thành Hà Nội. Đẹp hơn ở đây nhiều bác ạ.
- Trồng gì?
- Bác thu xếp thời gian. Cháu sẽ đưa bác lên.
- Xa lắm không?
- Ngoại thành mà bác.

Tôi theo cháu gái lên thật. Anh tạo được cho mình nơi tĩnh dưỡng tuổi già. Có lẽ đó là ga cuối của một hành trình cực nhọc. Cũng như lần trước cách giờ hơn 40 năm ở bãi sông Hồng. Cơ ngơi còn bang bách nhưng bóng hình trong tương lai đã rõ. Các con anh sẽ không ở đây, song đây là tiếng gọi để biết đường về tri ân cha mẹ. Anh đã xúc cát sông Hồng, bán báo lẻ, nạo cống rửa sàn, cưu vạn ngoài bến tàu... Chị đã mưng xôi, mớ quả, bán vé xổ số rồi nuôi con đại cho các nhà giàu có... Tất cả mọi nỗ lực ấy cấy được cái chí vào các con. Trong thế kỷ tương lai, các con anh sẽ là công dân giỏi, giàu, của nơi đã cưu mang bố mẹ chúng thời nghiệt ngã.

- Bây giờ lên núi. Ta lại chè xanh, lạc luộc ông nhé.

Đã đến cái đận chúng tôi xưng hô như vậy.

- Tôi tặng ông. Đây là chút quà sau chuyến đi hội thảo ở Mỹ về.

- Cảm ơn ông. Nhưng là cái gì vậy?

Tôi có 9 giờ ngừng lại ở Đài Bắc - Đài Loan để đợi máy bay về Hà Nội. Tôi nghĩ đến anh - bạn - cát - sông - Hồng. Tôi sắm đủ thứ quà nhưng vẫn chưa thỏa món quà tặng anh. Đi lang thang qua các phố. Tôi thấy có cửa hàng bán chữ. Những bức đại tự rất Trung Hoa về thư pháp. Tôi viết một chữ mẫu lên trang giấy. Chữ "CHÍ" mà tôi đã gặp ở "lâu đài" trên cát sông Hồng đêm đầu ngủ với anh.

- Cảm ơn. Cảm ơn ông có lòng thâm thúy.

Anh tiễn tôi xuống đò. Anh ôm lấy tôi và đùa lớn: "Này, ta muốn trả Đường sắt Việt Nam cái xềng mà ta trót ăn cắp để mưu sinh ngày khốn khó".

-Được thôi. Tôi nắm chặt tay anh. Tôi sẽ trả giúp anh bằng một cái bút ký. Viết và in báo ở mùa xuân này.

(Báo Văn nghệ)